|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP****VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**Số: /2019/TT-BNNPTNT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

 **Hướng dẫn phòng cháy, chữa cháy rừng;**

**chế độ, chính sách trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng**

*Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng; chế độ, chính sách trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng,*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng; chế độ, chính sách trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng và hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Công trình phòng cháy, chữa cháy rừng là hệ thống các công trình được thiết lập, xây dựng để thực hiện việc phòng cháy rừng hoặc sử dụng để chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra, bao gồm: đường băng cản lửa, kênh, mương ngăn lửa; suối, hồ, đập, bể chứa nước, trạm bơm, hệ thống cấp nước chữa cháy; chòi quan sát phát hiện cháy rừng; hệ thống biển cấm, biển báo, biển chỉ dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng; hệ thống thông tin liên lạc; trung tâm dự báo, cảnh báo cháy rừng và các công trình khác phục vụ cho phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Đường băng trắng cản lửa là những dải đất trống đã được chặt trắng cây, thu dọn hết cây cỏ, thảm mục, vật liệu cháy hoặc đường lâm nghiệp, đường tuần tra bảo vệ rừng nhằm ngăn cản lửa rừng khi xảy ra cháy.

3. Đường băng xanh cản lửalà những dải băng rừng được trồng cây rừng hỗn giao hoặc thuần loài, gồm những loài cây có khả năng chịu lửa tốt, khó cháy, có tác dụng ngăn cản cháy rừng lan qua.

**Điều 4. Nguyên tắc phòng cháy, chữa cháy rừng**

1. Chủ động, sẵn sàng nhân lực, phương tiện, thiết bị cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và các lực lượng tham gia công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Thông tin về nguy cơ và cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho chính quyền địa phương và cơ quan chủ trì về phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Thực hiện phương châm 4 tại chỗ để sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả khi cháy rừng xảy ra, bao gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ.

4. Chỉ huy thống nhất, phối hợp chặt chẽ các lực lượng được huy động tham gia chữa cháy rừng.

5. Trong quá trình chữa cháy rừng, ưu tiên bảo đảm an toàn cho người, tài sản, các công trình, phương tiện hoạt động trong phạm vi khu vực cháy rừng, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về rừng.

**Chương II**

 **PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG; XỬ LÝ SAU CHÁY RỪNG**

**Mục 1**

**PHÒNG CHÁY RỪNG**

**Điều 5. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật**

1. Nội dung

a) Văn bản quy phạm pháp luật, chế độ, chính sách và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy, chữa cháy rừng; trách nhiệm của các ngành, các cấp, người dân trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

b) Tác hại do cháy rừng gây ra;

c) Việc sử dụng lửa an toàn trong sản xuất và sinh hoạt trong thời kỳ cao điểm xảy ra cháy rừng;

d) Thông tin về cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng, phát hiện sớm điểm cháy rừng;

đ) Hướng dẫn các biện pháp, quy trình phòng cháy rừng, sử dụng lửa an toàn, báo tin khi cháy rừng xảy ra; cung cấp thông tin, số điện thoại báo cháy.

 2. Hình thức thực hiện

a) Thông qua các hội nghị, họp chuyên đề về phòng cháy, chữa cháy rừng hoặc lồng ghép chuyên đề về phòng cháy, chữa cháy rừng; các cuộc họp dân cư sống gần rừng;

b) Thông qua xây dựng qui ước bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng trong cộng đồng thôn, bản; ký cam kết thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa phóng thanh ở cơ sở, nơi sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư sống gần rừng, các trang mạng xã hội;

d) Bằng các tờ rơi, bảng tin, biển báo, biển chỉ dẫn tại các khu rừng, khu dân cư sống gần rừng;

đ) Các hình thức tuyên truyền khác: Tuyên truyền lưu động, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về phòng cháy, chữa cháy rừng, tổ chức các lớp học ngoại khoá cho học sinh, sinh viên.

3. Trách nhiệm thực hiện

a) Lực lượng Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn, xây dựng các chương trình, các đợt tuyên truyền về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cơ sở, chính quyền địa phương có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng cho cán bộ, công nhân viên và quần chúng nhân dân.

**Điều 6. Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và triển khai thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng**

1. Chủ rừng xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

2. Xây dựng các công trình phòng cháy rừng

a) Đối với các loại rừng đã xây dựng quy chuẩn phòng cháy, chữa cháy rừng, việc xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng áp dụng theo quy chuẩn được ban hành;

b) Đối với các loại rừng chưa có quy chuẩn phòng cháy chữa cháy rừng, áp dụng biện pháp xây dựng các công trình phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Công trình phòng cháy rừng phải được quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định để bảo đảm sẵn sàng chữa cháy rừng.

3. Trang bị dụng cụ, thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng

a) Trang bị phương tiện, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 47, điểm e khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 53 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP; Danh mục phương tiện, trang thiết bị cơ bản cho công tác chữa cháy rừng tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này; tùy theo điều kiện và yêu cầu của thực tế của địa phương và chủ rừng về phòng cháy chữa, cháy rừng để trang bị cho phù hợp;

b) Phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng phải được quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng quy định để bảo đảm sẵn sàng huy động chữa cháy rừng;

c) Đối với phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng cơ giới, ngoài việc sử dụng vào công tác chữa cháy rừng; luyện tập, thực tập phương án chữa cháy rừng, chỉ được sử dụng vào các trường hợp: tham gia công tác bảo đảm an ninh chính trị; tham gia công tác bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai; chống chặt phá rừng trái pháp luật; tuần tra, kiểm tra công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng;

d) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phạm vi quản lý của mình có quyền điều động phương tiện, thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy rừng cơ giới sử dụng vào mục đích quy định tại điểm c Khoản 4 Điều này.

4. Giảm vật liệu cháy rừng

a) Chủ rừng có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm vậy liệu cháy rừng. Biện pháp giảm vật liệu cháy rừng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Chi cục kiểm lâm tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra quy định cụ thể về quy trình kỹ thuật đối với biện pháp giảm vật liệu cháy rừng áp dụng trên địa bàn tỉnh.

5. Quy định sản xuất nương rẫy

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quy định cụ thể việc sử dụng lửa trong sản xuất nương rẫy, đốt xử lý thực bì áp dụng trên địa bàn; chỉ đạo, hướng dẫn người dân thực hiện đúng khu vực phân vùng, xác định rõ ranh giới, có mốc, bảng niêm yết ngoài thực địa; hướng dẫn kỹ thuật đốt dọn nương rẫy, xử lý thực bì để trồng rừng, khai thác rừng trồng đúng quy định; chức ký cam kết bảo vệ rừng và phòng cháy và chữa cháy rừng đối với các hộ dân có nương rẫy gần rừng;

b) Nội dung hướng dẫn sử dụng lửa trong sản xuất nương rẫy, đốt xử lý thực bì theo Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Rà soát vùng trọng điểm và tăng cường ứng trực phòng cháy chữa cháy rừng

a) Khi dự báo cháy rừng cấp V, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo rà soát các vùng trọng điểm có nguy cơ cháy rừng cao trên địa bàn. Trong trường hợp cần thiết, chỉ đạo lực lượng kiểm lâm, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng và các lực lượng chức năng tăng cường, tổ chức ứng trực tại các khu vực có nguy cơ cháy rừng cao;

b) Khi có đề nghị của phương, chỉ đạo của cấp thẩm quyền về việc hỗ trợ lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, Cục Kiểm lâm chỉ đạo các Chi cục Kiểm lâm vùng tổ chức tăng cường, hỗ trợ địa phương ứng trực tại các khu vực có nguy cơ cháy rừng cao.

**Điều 7. Thông tin dự báo và phát hiện sớm cháy rừng**

1. Thông tin dự báo cháy rừng

a) Cục Kiểm lâm thông tin cấp dự báo cháy rừng trên cổng thông tin điện tử của Cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp. Cung cấp thông tin cho Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam và phương tiện thông tin đại chúng để đưa, phát bản tin cảnh báo cháy rừng rộng rãi trên các kênh thông tin;

b) Chi cục Kiểm lâm vùng thông tin cấp dự báo cháy rừng trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; gửi thông báo cấp dự báo cháy rừng, thông báo dự báo thời tiết trong 7 ngày đến Chi cục Kiểm lâm tỉnh trong vùng được phân công;

c) Chi cục Kiểm lâm tỉnh thực hiện dự báo nguy cơ cháy rừng và thông tin cấp dự báo cháy rừng rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng; chỉ đạo các Hạt Kiểm lâm, kiểm lâm địa bàn thông tin cấp dự báo cháy rừng đến chính quyền địa phương cơ sở, các chủ rừng, các hộ dân sống trong rừng, gần rừng.

2. Thông tin phát hiện sớm cháy rừng

a) Cục Kiểm lâm duy trì thường xuyên hệ thống trạm thu ảnh vệ tinh phát hiện sớm điểm cháy; cập nhật thông tin điểm cháy do trạm thu ảnh vệ tinh phát hiện trên cổng thông tin điện tử của Cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp;

b) Chi cục Kiểm lâm vùng theo dõi điểm cháy sớm, thông báo đến Chi cục Kiểm lâm các tỉnh trong phạm được phân công phụ trách để kiểm tra, xác minh, theo dõi quá trình xử lý, báo cáo Cục Kiểm lâm về kết quả kiểm tra, xác minh;

c) Chi cục Kiểm lâm tỉnh theo dõi các điểm cháy sớm phát hiện từ ảnh vệ tinh, kết hợp phát hiện cháy sớm tại các chòi canh, các chốt gác để phát hiện sớm các điểm cháy rừng; chỉ đạo Hạt Kiểm lâm, các chủ rừng kiểm tra, xác minh và tổ chức chữa cháy kịp thời;

d) Chủ rừng tổ chức tuần tra, kết hợp ứng dụng khoa học, công nghệ và sử dụng phương tiện, thiết bị để theo dõi, phát hiện sớm cháy rừng; thông tin khi phát hiện có cháy rừng và tổ chức chữa cháy kịp thời;

đ) Các cơ quan kiểm lâm, chủ rừng, chính quyền các cấp thiết lập đường dây nóng, các mạng xã hội để thu nhận thông tin báo cháy rừng của người dân.

 **Mục 2**

**CHỮA CHÁY RỪNG**

**Điều 8. Tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng**

1. Khi cấp dự báo cháy rừng cấp IV, cấp V, chính quyền địa phương các cấp, cơ quan kiểm lâm và chủ rừng tổ chức trực thông tin 24/24h để tiếp nhận thông tin báo cháy rừng. Nhiệm vụ của người trực:

a) Theo dõi thông tin cấp dự báo cháy rừng, thông tin các điểm cháy sớm phát hiện từ ảnh vệ tinh trên website của Cục Kiểm lâm và thông báo cáo chủ rừng, kiểm lâm địa bàn kiểm tra, xác minh;

b) Tiếp nhận thông tin về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng và thông tin báo cáo cháy của người dân;

c) Khi tiếp nhận tin báo cháy phải hỏi rõ các thông tin sau: Họ, tên, địa chỉ, số điện thoại (nếu có) của người báo cháy; địa điểm, thời gian xảy ra cháy; những thông tin về đám cháy, như: loại rừng xảy ra cháy, diện tích đám cháy, nguy cơ cháy lan, nguy cơ ảnh hưởng đến khu vực dân cư và những thông tin khác liên quan đến đám cháy;

d) Ngay sau khi nhận được tin, cán bộ nhận tin báo phải ghi vào sổ tiếp nhận thông tin báo cháy; đồng thời, báo cáo ngay thông tin đã tiếp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

2. Việc xử lý thông tin báo cháy rừng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP. Căn cứ tình hình thực tiễn của từng địa phương, Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quy định cụ thể về tiếp nhận, xử lý thông tin cháy rừng của từng cấp phù hợp với từng địa phương.

**Điều 9. Phân loại quy mô đám cháy rừng**

Căn cứ về diện tích, khả năng kiểm soát đám cháy và các yếu tố ảnh hưởng, quy mô đám cháy được phân thành 3 loại như sau:

1. Đám cháy nhỏ: Đám cháy mới phát sinh, quy mô đám cháy ước dưới 01 ha và không có nguy cơ cháy lan sang các khu vực lân cận; có thể kiểm soát được bởi lực lượng chữa cháy rừng tại chỗ của chủ rừng hoặc của cấp xã.

2. Đám cháy trung bình: Đám cháy có quy mô ước tính từ 01 ha đến 15 ha, nhưng chủ rừng, Uỷ ban nhân dân cấp xã chưa kiểm soát, dập tắt được, có nguy cơ cháy lan sang các khu vực lân cận; cần huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng của cấp huyện.

3. Đám cháy lớn: Đám cháy có quy mô ước tính từ 15 ha trở lên, có khả năng phát triển nhanh, có nguy cơ lan rộng; cần huy động lực lượng, phương tiện chữa cháy rừng của cấp tỉnh hoặc đề nghị hỗ trợ từ lực lượng ngoài tỉnh.

**Điều 10. Trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện trong chữa cháy rừng**

1. Khi có cháy rừng xảy ra, chủ rừng có trách nhiệm huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ để chữa cháy kịp thời. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát, chủ rừng báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã để huy động chữa cháy rừng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp huy động nhân lực, phương tiện, trang bị, vật tư chữa cháy rừng theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP.

a) Đối với đám cháy nhỏ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, máy móc, trang thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp xã, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện để huy động chữa cháy rừng;

b) Đối với đám cháy trung bình: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, máy móc, trang thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp huyện, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện báo cáo Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh để huy động chữa cháy rừng;

c) Đối với đám cháy lớn: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, máy móc, trang thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý để chữa cháy rừng. Trong trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát của cấp tỉnh, hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy nổ lớn, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh báo cáo Lãnh đạo Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ để huy động chữa cháy rừng.

3. Việc huy động lực lượng, phương tiện phải thể hiện bằng lệnh huy động do người có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 11. Chỉ huy chữa cháy rừng**

1. Người chỉ huy

a) Đối với đám cháy nhỏ: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã là người trực tiếp chỉ huy hoặc chỉ định người chỉ huy toàn diện mọi hoạt động chữa cháy rừng;

b) Đối với đám cháy trung bình: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp huyện là người trực tiếp chỉ huy hoặc chỉ định người chỉ huy toàn diện mọi hoạt động chữa cháy rừng;

c) Đối với đám cháy lớn: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh là người trực tiếp chỉ huy hoặc chỉ định người chỉ huy toàn diện mọi hoạt động chữa cháy rừng.

2. Người chỉ huy chữa cháy rừng có nhiệm vụ:

a) Trực tiếp điều hành các lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy rừng;

b) Xác định trình tự, các biện pháp triển khai hoạt động chữa cháy, cứu người bị nạn, cứu tài sản và dập tắt đám cháy rừng;

c) Tổ chức trinh sát đám cháy; xác định vị trí, hướng chữa cháy chính và việc triển khai lực lượng, phương tiện cần thiết để chữa cháy;

d) Phân chia khu vực chữa cháy và chỉ định người chỉ huy của từng lực lượng chữa cháy rừng theo từng khu vực;

đ) Báo cáo lãnh đạo cấp trên trực tiếp quản lý hoặc theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền về tình hình, diễn biến của đám cháy;

e) Tổ chức các biện pháp bảo đảm an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy; bảo đảm các hoạt động hỗ trợ trong công tác chữa cháy rừng;

g) Phối hợp tổ chức bảo vệ khu vực chữa cháy, hiện trường vụ cháy, áp dụng các biện pháp bảo vệ tài liệu, đồ vật phục vụ công tác điều tra vụ cháy, xác định nguyên nhân gây ra cháy;

h) Tổ chức tập hợp lực lượng, thu hồi phương tiện trở về đơn vị khi kết thúc nhiệm vụ chữa cháy;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác do lãnh đạo cấp trên giao.

3. Người chỉ huy chữa cháy rừng của từng lực lượng giúp người chỉ đạo chữa cháy thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại các khoản 1 Điều này trong phạm vi khu vực chữa cháy được giao phụ trách.

a) Đối với lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy, người chỉ huy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng;

b) Đối với lực lượng quân đội, lực lượng dân quân tự vệ người chỉ huy do thủ trưởng đơn vị huy động lực lượng quyết định;

c) Đối với lực lượng bảo vệ rừng của chủ rừng là tổ chức do thủ trưởng đơn vị làm chỉ huy;

d) Đối với các lực lượng khác, do Thủ trưởng cơ quan kiểm lâm cấp huy động làm chỉ huy.

**Mục 3. XỬ LÝ SAU CHÁY RỪNG**

**Điều 12. Xác định thiệt hại do cháy rừng và giải pháp phục hồi rừng sau khi cháy**

1. Chủ rừng xác định mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

a) Xác định diện tích, loại rừng, trạng thái rừng bị cháy, đánh giá mức độ thiệt hại và xác định diện tích rừng bị thiệt hại do cháy rừng; khả năng phục hồi rừng sau khi cháy; những thiệt hại về người, tài sản, và các thiệt hại khác (nếu có);

b) Việc xác định báo cáo thiệt hại do cháy rừng phải thực hiện trong thời gian 05 ngày tính từ thời điểm đám cháy được dập tắt.

2. Chủ rừng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phục hồi rừng sau khi cháy theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

3. Cơ quan Kiểm lâm sở tại có trách nhiệm hỗ trợ chủ rừng và kiểm tra, giám định khi cần thiết về kết quả xác định thiệt hại do cháy rừng gây ra do chủ rừng báo cáo. Giám sát việc thực hiện phục hồi rừng của chủ rừng.

**Điều 13. Xác định nguyên nhân gây cháy rừng**

1. Việc điều tra, xác định nguyên nhân gây cháy rừng thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định só 156/2018/NĐ-CP.

2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, mức độ thiệt hại đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Báo cáo cháy rừng**

1. Các loại báo cáo cháy rừng

a) Báo cáo nhanh khi có cháy rừng xảy ra: được thực hiện trong thời gian 30 phút tính từ khi phát hiện cháy rừng xảy ra và được cập nhật hàng giờ cho đến khi kết thúc cháy rừng. Nội dung thông tin gồm: thời gian địa điểm cháy; loại rừng, loài cây bị cháy; diễn biến, cường độ và quy mô đám cháy; nhận định các tình huống khẩn cấp; công tác tổ chức chữa cháy rừng; thời gian kết thúc (trường hợp đám cháy đã kết thúc tại thời điểm báo cáo);

b) Báo cáo tổng hợp vụ cháy rừng: được thực hiện trong thời hạn 05 ngày tính từ khi đám cháy được dập tắt. Mẫu báo cáo thực hiện theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo định kỳ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, gồm: báo cáo tháng và báo cáo sơ kết sáu tháng, báo cáo tổng kết năm, được thực hiện theo định kỳ về chế độ báo cáo công tác lâm nghiệp. Nội dung báo cáo gồm các thông tin chính: tình hình cháy rừng trong kỳ báo cáo (số vụ cháy, thiệt hại về người, tài sản và rừng); so sánh với cùng kỳ; công tác chỉ huy, chữa cháy rừng; đánh giá về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; bài học kinh nghiệm và công tác triển khai nhiệm vụ trong thời gian tới; đề xuất, kiến nghị;

d) Báo cáo đột xuất: Trong trường hợp cần có báo cáo thống kê để thực hiện các yêu cầu công việc về quản lý nhà nước, cơ quan yêu cầu báo cáo phải có văn bản nêu rõ mục đích, thời gian và các nội dung cần báo cáo. Nội dung theo đề cương của cơ quan yêu cầu báo cáo.

2. Cơ quan thực hiện báo cáo

a) Báo cáo nhanh: Chủ rừng, kiểm lâm địa bàn lập báo cáo nhanh gửi Hạt Kiểm lâm. Hạt Kiểm lâm huyện có trách nhiệm cập nhật, báo cáo Chi cục Kiểm lâm cho đến khi kết thúc cháy rừng;

b) Báo cáo tổng hợp vụ cháy rừng: Chủ rừng có trách nhiệm lập và báo cáo Hạt Kiểm lâm. Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi nhận được báo cáo của chủ rừng, Hạt Kiểm lâm có trách nhiệm lập và báo cáo Chi cục Kiểm lâm tỉnh; Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi nhận được báo cáo của Hạt Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh và Cục Kiểm lâm;

c) Báo cáo định kỳ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng thực hiện theo chế độ báo cáo công tác lâm nghiệp.

3. Phương thức gửi báo cáo

a) Đối với Báo cáo nhanh (có thể ký, đóng dấu hoặc không) gửi qua điện thoại, tin nhắn, thư điện tử, qua phần mềm báo cáo nhanh kiểm lâm hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất có thể;

b) Đối với Báo cáo tổng hợp vụ cháy, báo cáo định kỳ thực hiện theo chế độ gửi văn bản theo quy định hiện hành.

**Chương III**

**HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG**

**Điều 15. Căn cứ áp dụng chế độ, chính sách đối với công tác phòng cháy, chữa cháy rừng**

1.Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (Nghị định số 30/2017/NĐ-CP).

2. Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (Nghị định số 156/2018/NĐ-CP).

3. Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (Nghị định số 79/2014/NĐ-CP).

4. Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (Nghị định số 33/2019/NĐ-CP).

5. Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Liên Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy và cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở, chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy (Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC).

6. Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động (Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH).

**Điều 16. Nội dung chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng**

1. Nội dung chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng được áp dụng theo quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP và Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Chi cho hoạt động tuyên truyền, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

b) Chi xây dựng cấp dự báo cháy rừng, thông tin cấp cháy rừng; các quy trình quy phạm, các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng cháy, chữa cháy rừng;

c) Chi mua sắm vật tư, trang thiết bị phương tiện, chi xây dựng đường băng, kênh mương cản lửa, chòi canh, hồ dự trữ nước, xây dựng các trạm dự báo cháy rừng và mạng lưới dự báo cháy rừng quốc gia;

d) Chi sửa chữa thường xuyên, bảo quản, vận chuyển trang thiết bị, phương tiện, bảo quản, sửa chữa các công trình phòng cháy; chi về nhiên liệu (xăng, dầu), sửa chữa, bồi thường thiệt hại khi phương tiện, thiết bị được huy động để chữa cháy rừng;

đ) Chi cho công tác thông tin, liên lạc; công tác phí; hội nghị; tổng kết, khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

e) Chi cho hoạt động làm thêm giờ trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng.

3. Căn cứ tình hình thực tiễn, Chủ tịch Uỷ ban nhân tỉnh quy định cụ thể mức chi cho các hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng cụ thể cho phù hợp với từng địa phương.

**Điều 17. Mức chi cho người trực và người được huy động tham gia chữa cháy rừng**

1. Mức chi cho người trực cháy

Người thực hiện nhiệm vụ trực cháy ngoài giờ làm việc hành chính quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này được hưởng mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Mức 1: Trực có thời gian từ 04 giờ/01 ngày trở lên được hưởng mức tiền ăn thêm/01 ngày bằng 4% nhân với lương cơ sở theo quy định hiện hành;

b) Mức 2: Trực có thời gian từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được hưởng mức tiền ăn thêm bằng 2% nhân với lương cơ sở theo quy định hiện hành.

2. Chế độ trợ cấp đối với người được huy động tham gia chữa cháy rừng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

a) Chế độ trợ cấp đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động tham gia chữa cháy rừng theo quyết định của cấp có thẩm quyền áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP, cụ thể:

- Được hưởng trợ cấp ngày công lao động (như đối với lao động phổ thông) thấp nhất bằng 0,1 lần mức lương cơ sở.

- Nếu tham gia chữa cháy rừng từ 22 giờ ngày hôm trước đến 6 giờ sáng ngày hôm sau được tính gấp đôi;

 - Khi làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được cấp huy động bố trí nơi ăn, nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về theo quy định chế độ công tác của Bộ Tài chính; được hỗ trợ tiền ăn theo mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

 - Cấp nào huy động thì cấp đó bảo đảm chi trả.

 b) Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động tham gia chữa cháy rừng theo quyết định của cấp có thẩm quyền áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP, cụ thể:

 - Được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trả nguyên lương và các khoản phụ cấp, được thanh toán phụ cấp đi đường và tiền tàu xe, khi làm việc trong môi trường độc hại và nơi có phụ cấp khu vực, được hưởng theo chế độ hiện hành.

 - Chi phí cho các khoản nói trên được tính vào ngân sách chi hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

**Điều 18. Chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy rừng bị thương, bị chết**

1. Chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy rừng bị thương áp dung theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

2. Chế độ đối với người được điều động, huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy bị chết áp dung theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

3. Xét hưởng chính sách thương binh hoặc như thương binh áp dung theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

4. Xét công nhận là liệt sỹ áp dung theo quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

**Điều 19. Nguồn ngân sách đảm bảo hoạt động**

Nguồn ngân sách bảo đảm hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng áp dụng theo các quy định sau:

1. Nguồn ngân sách theo quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP, cụ thể:

a) Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành. Nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP. Nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP;

b) Các khoản hỗ trợ, viện trợ của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong nước cho hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

c) Các khoản thu thông qua các hợp đồng dịch vụ, đóng góp, đền bù của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

d) Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập.

2. Chính sách đầu tư theo quy định tại Điều 87, chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại 88 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP.

3. Các nguồn ngân sách khác theo quy định của pháp luật.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

1. Tổng cục Lâm nghiệp hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Thông tư này trong phạm vi cả nước.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Thông tư này trên địa bàn tỉnh.

**Điều 21. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân, phản ảnh kịp thời về Tổng cục Lâm nghiệp để tổng hợp báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, giải quyết.

**Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp**

Các văn bản được viện dẫn để làm cứ hướng dẫn tại Thông tư này khi được sửa đổi bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo quy định của văn bản thay thế./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Văn phòng Chính phủ;- Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và PTNT;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;- Công báo; Website Chính phủ;- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL;- Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Các Sở Nông nghiệp và PTNT;- Website Bộ Nông nghiệp và PTNT;- Lưu: VT, TCLN. | **KT. BỘ TRƯỞNG****THỨ TRƯỞNG****Hà Công Tuấn** |

**Phụ lục 01**

**Quy định về xây dựng công trình phòng cháy rừng**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2019)*

**1. Đường băng cản lửa**

a) Nguyên tắc làm đường băn cản lửa

- Đối với địa hình bằng phẳng hoặc dốc dưới 150, đường băng phải vuông góc với hướng gió chính trong mùa cháy.

- Đối với địa hình phức tạp dốc trên 15o, đường băng bố trí trùng với đường đồng mức hoặc theo đường đồng mức.

- Khi làm đường băng nên kết hợp với đường mòn, đường giao thông, đường tuần tra, bảo vệ rừng.

b) Đường băng trắng cản lửa

- Đường băng chính: Các khu rừng tập trung trên 2.000 ha trở lên phải xây dựng đường băng trắng để kết hợp phân chia rừng thành các tiểu khu và kết hợp đường băng với đường vận chuyển. Chiều dài: qui định khép kín cho cả khu rừng; Chiều rộng: qui định từ 8 đến 12 m (tuỳ theo chiều cao cây rừng, địa hình và khả năng tài chính). Sau mở rộng dần để đạt được yêu cầu đường băng lớn hơn chiều cao cây rừng. Khoảng cách giữa các đường băng chính từ 2 - 3 km. Dọc 02 bên đường băng trồng các đường đai cây lá rộng thường xanh có chiều rộng từ 4 - 6 m.

- Đường băng phụ: Các khu rừng có diện tích từ 100 ha trở lên phải xây dựng các đường băng phụ chia cắt thành các khoảnh, lô. Đường băng phụ được nối với các đường băng chính. Chiều rộng của đường băng từ 6 đến 10 m ( mở rộng dần theo chiều cao cây rừng tăng trưởng); Khoảng cách giữa các đường băng phụ từ 100 đến 500 m.

- Chú ý khi xây dựng đường băng trắng: Khi thiết kế những đường băng cản lửa phải lợi dụng những chướng ngại vật tự nhiên như: sông, suối, hồ nước, đường mòn, đường dông, những công trình nhân tạo như đường sắt, đường giao thông, đường điện cao thế, đường vận xuất, vận chuyển. Đối với rừng trồng có độ dốc trên 25o thì không được làm đường băng trắng, mà phải trồng băng xanh cùng với việc trồng rừng trong năm đó, để chống xói mòn, xói khe rửa trôi đất, làm mất nguồn đất màu mỡ. Đối với rừng có độ dốc nhỏ hơn 250 thì tuỳ theo điều kiện địa hình mà xây dựng đường băng trắng hoặc băng xanh. Nhưng hạn chế tối đa việc xây dựng đường băng trắng. Khi xây dựng băng trắng năm đầu không nên phát trắng toàn bộ mà chỉ phát loại bỏ cây dễ cháy, giữ lại các loài cây xanh quanh năm (khó cháy) để sau tạo ra băng xanh hỗn giao.

b) Đường băng xanh cản lửa

- Đường băng xanh cản lửa chủ yếu áp dụng đối với các khu rừng phòng hộ, rừng sản xuất có độ dốc lớn hơn 250 và xây dựng các đai rừng ngăn lửa đối với rừng đặc dụng, các tuyến giao thông chính và các khu vực gần khu dân cư, đồng ruộng.

- Đường băng chính: áp dụng đối với các khu rừng tập trung lớn hơn 1000 ha. Chiều rộng đường băng từ 10 - 20 m; Khoảng cách giữa các đường băng là 1 km.

- Đường băng phụ: Được xây dựng để ngăn cách các lô, khoảnh trong rừng thông. Tuỳ theo từng điều kiện cụ thể mà xây dựng cho phù hợp. Chiều rộng của đường băng từ 5 đến 10m; khoảng cách giữa các đường băng từ trên 100 m.

- Xây dựng các đai cây xanh cản lửa: Đai cây xanh phòng cháy được xây dựng dọc theo các đường băng cản lửa, đường sắt, đường ô tô, xung quanh các điểm dân cư, xung quanh những vùng đất sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, kho tàng, cơ quan, đơn vị quân đội nằm ở trong rừng và ven rừng. Cây xanh có chiều rộng từ 10- 20 m nếu xây dựng theo đường phân khoảnh thì chiều rộng của đai rừng chỉ cần từ 5 - 10 m.

- Một số nguyên tắc chọn loài cây trồng băng xanh phòng cháy: Những cây lá mọng nước. Lá có lông hoặc vảy che chở cho các tế bào sống ở bên trong hoạt động bình thường. Có vỏ dày, phị nước. Cây có sức tái sinh chồi và hạt mạnh, nhanh khép tán sớm phát huy tác dụng phòng lửa. Không rụng lá trong mùa khô (mùa cháy rừng). Cây ở đai cản lửa không cùng loài sâu bệnh hại với rừng thông hoặc không là ký chủ của sâu bệnh hại rừng thông. Cây bản địa: chọn những loài cây sẵn có ở địa phương.

**2. Chòi quan sát lửa rừng**

- Đối với diện tích rừng trồng tập trung với qui mô lớn phải xây dựng hệ thống chòi quan quan sát lửa và phát hiện sớm cháy rừng. Tuỳ theo qui mô rừng và địa hình mà bố trí số lượng chòi quan sát lửa hợp lý. Các qui định cụ thể là:

- Nguyên tắc xác định vị trí chòi quan sát lửa: Bố trí theo dạng tam giác đều; Chòi quan sát lửa phải có độ cao và tầm nhìn xa cao hơn cây rừng, tối thiểu chòi quan sát lửa có chiều cao là từ 15-20 m, chòi quan sát lửa tốt nhất nên đặt ở đỉnh đồi hoặc vị trí trung tâm của vùng rừng dễ cháy; Phải nhìn rõ được 2 –3 chòi phụ; Một vị trí bất kỳ trong khu vực rừng phải được ít nhất 2 chòi quan sát lửa nhìn thấy, tốt nhất là 3 chòi để quan trắc liên hợp.

- Chòi quan sát lửa chínhđược bố trí khi diện tích rừng lớn hơn 5.000 ha;Chòi quan sát lửa chính có tầm quan sát tối thiểu ≥ 10 km;Chòi quan sát lửađược làm bằng nguyên liệu bền chắc như: sắt, gỗ sẵn có ở địa phương, tuổi thọ của chòi có thể từ 15- 20 năm.

- Chòi quan sát lửa phụ được bố trí theo hệ thống có tầm nhìn từ 5 đến 10 km;bố trí theo hình tam giác đều, chòi chính đặt ở trung tâm tam giác, chòi phụ đặt ở 3 đỉnh của tam giác.

- Khi xây dựng chòi quan sát lửa phải đảm bảo một số yêu cầu sau: Phải có thang lên, xuống thuận tiện; Xung quanh chân chòi phải dọn sạch cây trong phạm vi bán kính từ 30 – 50 m để đề phòng cháy rừng, lửa lan đến chòi canh; Trên chòi phải bố trí quan sát được ở cả 04 phía; Có trang bị dụng cụ chống sét (ống thu lôi), mái che mưa, nắng; Có bản đồ toàn bộ khu vực rừng cần bảo vệ, dụng cụ đo góc; Có ống nhòm, có kẻng báo động, có máy vô tuyến hoặc điện thoại radio và một số tín hiệu và dụng cụ báo hiệu như: cờ màu, pháo hiệu;Ở dưới chân chòi chính cần làm một gian nhà có giường, bàn làm việc, nghỉ ngơi cho nhóm công tác từ 2-3 người.

- Vào thời kỳ cao điểm của mùa cháy, phải có người làm việc liên tục 3 ca 24/24 h/ngày tại chòi.

**3. Xây dựng hồ, đập, bể chứa nước**

- Chủ rừng cần lợi dụng các thung lũng, khe suối, đầm, hồ sẵn có để dự trữ nước cho việc chữa cháy rừng. Tuỳ từng điều kiện kinh tế và địa hình để qui hoạch và xây dựng các hồ đập chứa nước kiên cố để dự trữ nước lớn phục vụ nhiều mục đích hoặc xây dựng bán kiên cố để dự trữ lượng nước cho công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Xây dựng bể chứa nước: kích thước bể chứa tối thiểu là 4 x 4 m, độ sâu ≥ 1,5 m, dung tích tổng cộng không dưới 20 m3.

- Xây dựng hồ, đập chứa nước: Kích thước 10 x 15m, lượng nước trong mùa khô từ 60 – 100m3, phải làm đường đi tới hồ; ở bên hồ phải có bãi đặt máy bơm, bố trí đường ra vào, đi lại thuận tiện nhanh chóng cho việc chữa cháy.

**4. Xây dựng các biển báo, biển cấm lửa và bảng cấp dự báo cháy rừng**

- Ở khu rừng có diện tích lớn hơn 1000 ha phải xây dựng bảng, biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng và báo hiệu nguy hiểm trong sử dụng lửa, cấm lửa.

- Bảng xây dựng cấp dự báo cháy rừng ghi rõ mức độ nguy hiểm cháy rừng theo màu sắc tương ứng với 5 cấp dự báo cháy rừng và biển báo có kích cỡ: chiều cao 3-4 m, rộng 2-2,5 m.

- Trên các tuyến đường đi qua khu rừng cứ 200m phải bố trí biển cấm lửa hoặc cấm đốt rừng. Các biển cấm làm bằng hình tam giác có kích thước (60 x 60 x 60 cm).

**Phụ lục 02**

**Quy định Danh mục Phương tiện, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy rừng**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2019)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ, PHƯƠNG TIỆN** | **GHI CHÚ** |
| 1 | Xe ô tô chở bồn nước  |  |
| 2 | Xe ô tô bán tải chuyên dụng chở trang thiết bị  |  |
| 3 | Xe ô tô chở quân |  |
| 4 | Xe máy 4 bánh, 2 bánh chuyên chở trang thiết bị |  |
| 5 | Bộ đàm |  |
| 6 | Loa phóng thanh  |  |
| 7 | Máy thổi gió |   |
| 8 | Máy cắt thực bì, máy cắt cỏ |  |
| 9 | Máy bơm/phun nước các loại  |  |
| 10 | Bình xịt nước  |  |
| 11 | Máy định vị |   |
| 12 | Máy cưa gỗ |   |
| 13 | Bàn dập lửa, cào, quốc, xẻng  |  |
| 14 | Dao phát  |  |
| 15 | Hóa chất chữa cháy rừng |  |
| 16 | Ảnh viễn thám |  |
| 17 | Bản đồ phục vụ PCCCR |  |
| 18 | Máy bay không người lái (UAV) |  |
| 19 | Fly Camera |  |
| 20 | Hệ thống xử lý thông tin và truyền tin phát hiện sớm cháy rừng |  |
| 21 | Hệ thống xử lý thông tin và truyền tin chỉ huy chữa cháy rừng |  |
| 22 | Hệ thống phần mềm báo cáo nhanh xử lý cháy rừng  |  |
| 23 | Bảng cấp dự báo cháy rừng (điện tử) |  |
| 24 | Tháp quan trắc cháy rừng bằng camera quang học |  |

**Phụ lục: 03**

**Quy định về giảm vật liệu cháy rừng**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2019)*

**1. Xử lý vật liệu cháy rừng bằng đốt trước**

Hàng năm, trước khi bước vào mùa khô Chi cục Kiểm lâm các tỉnh phải theo dõi tình hình thời tiết cụ thể, tham mưu cho Uỷ ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định quy định thời điểm cho phép áp dụng biện pháp đốt trước có điều khiển trong năm trên địa bàn tỉnh.

 **-** Đốt có điều khiển được tiến hành trước mùa cháy ít nhất 1 tháng, khi độ ẩm không khí trên 60%, tốc độ gió < 10km/h, khối lượng vật liệu cháy tinh <10 tấn/ha, độ ẩm tương đối của vật liệu cháy khoảng 30-40%.

**-** Nơi có chiều cao vật liệu cháy >1m thì phải thực hiện các biện pháp hạ thấp chiều cao xuống dưới 0,5m.

**-** Đốt trước có điều khiển ở rừng chỉ được tiến hành theo kế hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trước khi đốt phải thông báo cho chính quyền và nhân dân địa phương biết. Tiến hành đốt thử một diện tích nhỏ (khoảng 50-100m2), nếu kết quả cho phép mới quyết định đốt chính thức. Trong quá trình đốt nếu thời tiết, đặc biệt tốc độ gió thay đổi >10km/h cần phải tạm dừng việc đốt chờ đến khi điều kiện đảm bảo an toàn.

**-** Xung quanh diện tích rừng chuẩn bị đốt trước phải xây dựng các băng tựa nhằm ngăn không để đám cháy đốt trước lan vào rừng.

**-** Thời gian đốt trước trong ngày có thể vào đầu buổi sáng (7-10h) hoặc cuối buổi chiều (16-18h), tiến hành đốt theo dải hoặc theo đám. Mỗi lần đốt trên diện tích khoảng 1-3 ha. Chu kỳ đốt trước được thực hiện theo kế hoạch của từng địa phương qui định.

**-** Phải chuẩn bị đầy đủ lực lượng ít nhất 1 tổ đội từ 7 đến 10 người và phương tiện đảm bảo có khả năng khống chế được đám cháy.

- Một số biện pháp an toàn: Sau khi đốt xong phải kiểm tra, đề phòng tàn lửa còn lại tiếp tục cháy lan vào rừng. Tổ chức rút kinh nghiệm để phục vụ các lần đốt sau.Không đốt trước khi chiều cao ngọn lửa và tốc độ lan tràn vượt quá mức độ cho phép. Lúc này phải tạm ngừng việc đốt dọn hoặc làm dịu ngọn lửa bằng bơm xịt nước.Đốt từng giải, từng đám từ trên dốc xuống chân dốc.Không được đốt từ dưới dốc lên đối với nơi có độ dốc trên 15o. Không đốt xuôi chiều gió. Khi rừng ở giai đoạn non và rừng chưa khép tán, ngoài việc thực hiện chăm sóc rừng theo thiết kế trồng rừng, hàng năm vào trước mùa cháy cần dọn vệ sinh, thu chặt cành nhánh, thảm khô, thảm tươi dễ cháy để hạn chế khả năng cháy rừng. Những vật liệu đó cần được dàn mỏng hoặc đưa ra ngoài nơi chống để đốt hoặc sở dụng cho các mục đích khác. Khi rừng có chiều cao dưới cành khoảng 5m, tùy điều kiện cụ thể về tự nhiên, kinh tế và xã hội của địa phương có thể tiến hành đốt trước có điều khiển làm giảm khối lượng vật liệu cháy.

**2. Chăm sóc và vệ sinh rừng**

- Hàng năm, trước mùa khô ở những khu rừng dễ xảy ra cháy, đặc biệt những khu rừng xung quanh nơi dân cư, nhà máy, kho tàng, khu tham quan, du lịch sinh thái, các đơn vị cơ quan, quân đội cần kết hợp với chặt nuôi dưỡng, tỉa cành với việc thu dọn các vật liệu rơi rụng ở các băng trắng, băng xanh.

- Để giảm nguy cơ cháy rừng cần phải chặt bỏ các cây bụi thảm tươi, cây cong queo sâu bệnh, thu dọn các cành khô, lá rụng ở xung quanh các khu rừng.

**Phụ lục: 04**

**Quy định sử dụng lửa trong sản xuất nương rẫy, đốt xử lý thực bì**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2019)*

1. Chỉ được đốt dọn trong vùng được phép làm nương rẫy, khi làm rẫy phải phát dọn toàn bộ thực bì, phơi khô và vun thành dải rộng 2-3 m, khoảng cách các dải là 5m - 6 m; dải sát bìa rừng cách xa rừng 6m - 8 m.

2. Khi đốt thực bì phải đốt lúc gió nhẹ, đốt vào chiều tối hoặc sáng sớm (trước 9 giờ 00 buổi sáng và sau 16 giờ 00 buổi chiều), đốt lần lượt từng dải, thứ tự từ trên sườn đồi xuống chân đồi.

3. Trước khi đốt rẫy, xử lý thực bì, người sử dụng lửa phải báo với UBND cấp xã. Chỉ được phép đốt sau khi được sự kiểm tra đảm bảo an toàn trong phòng cháy, chữa cháy rừng và đồng ý cho phép đốt của UBND cấp xã sở tại. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin xin đốt xử lý thực bì của người dân, UBND cấp xã chỉ đạo các bộ phận chức năng tại địa phương tiến hành kiểm tra đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy rừng và trả lời cho người dân. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp cố ý sử dụng lửa đốt xử lý thực bì, đốt rẫy khi chưa có sự kiểm tra và đồng ý cho phép của UBND cấp xã.

**Phụ lục: 05**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG BỊ THIỆT HẠI DO CHÁY RỪNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Vụ cháy** | **Địa điểm** | **Tổng diện tích rừng bị cháy** | **Diện tích rừng bị thiệt hại do cháy (ha)** | **Tỷ lệ % thiệt hại** | **Thời gian cháy** |
| **Tổng diện tích bị thiệt hại** | **Rừng tự nhiên** | **Rừng trồng** |
| Lô, khoảnh, tiểu khu | Thôn, xã, huyện | Tổng | PH | ĐD | SX | Tổng | PH | ĐD | SX | Loài cây | Năm trồng |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6=7+11* | *7=8+9+10* | *8* | *9* | *10* | *11=12+13+14* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | *………, ngày …… tháng …..năm*  |  |
|  |  |  |  |  |  |  | **THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ / CHỦ RỪNG** |  |

**Phụ lục 06:**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2019/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

**MỘT SỐ VÍ DỤ VỀ CÁCH TÍNH MỨC CHI CHO NGƯỜI TRỰC CHÁY VÀ NGƯỜI ĐƯỢC HUY ĐỘNG THAM GIA CHỮA CHÁY RỪNG**

**1. Mức chi cho người trực cháy**

Người thực hiện nhiệm vụ trực cháy ngoài giờ làm việc hành chính quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này được hưởng mức chi áp dụng theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Mức 1: Trực có thời gian từ 04 giờ/01 ngày trở lên được hưởng mức tiền ăn thêm/01 ngày bằng 4% nhân với lương cơ sở theo quy định hiện hành;

Ví dụ: Năm 2019, mức lương cơ sở 1.490.000 đồng, như vậy, người trực trên 4 giờ được hưởng 59.600 đồng.

b) Mức 2: Trực có thời gian từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được hưởng mức tiền ăn thêm bằng 2% nhân với lương cơ sở theo quy định hiện hành.

Ví dụ: Năm 2019, mức lương cơ sở 1.490.000 đồng, như vậy, người trực trên từ 2 giờ đến 4 giờ được hưởng 29.800 đồng.

**2. Chế độ trợ cấp đối với người được huy động tham gia chữa cháy rừng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.**

Chế độ trợ cấp đối với người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động tham gia chữa cháy rừng theo quyết định của cấp có thẩm quyền áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 30/2017/NĐ-CP, cụ thể:

Được hưởng trợ cấp ngày công lao động (như đối với lao động phổ thông) thấp nhất bằng 0,1 lần mức lương cơ sở.

Ví dụ: năm 2019, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng, người được huy động tham gia chữa cháy rừng đủ một ngày công lao động được hưởng trợ cấp 149.000 đồng.